TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:13/2020/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 11 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Võ Đức N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 21 Sơn Thủy, phường H, quận Ng, thành phố Đ .

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 21 Sơn Thủy, phường H, quận Ng, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đức N và bà Nguyễn Thị B kết hôn vào ngày 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống luôn bất đồng nhau, nên hay cãi vã nhau dẫn đến xung đột. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được, từ năm 2017 đến này vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Nay ông N và bà B xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ôngc N và bà B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông N và bà B xác định có 02 con chung tên Võ Đức Thanh Ph - sinh ngày 24/10/2008 và Võ Đức Thanh Th - sinh ngày 08/1/2013. Thuận tình ly hôn, ông bà thỏa thuận: Giao cả hai con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 4000.000 đồng (mỗi con 2.000.000/01 tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3]Về tài sản chung: ông N và bà B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4]Nợ chung: ông N và bà B xác định không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông N và bà B mỗi người chịu 1/2 là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0009818 ngày 13/2/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đức N và bà Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung Giao hai con Võ Đức Thanh Ph - sinh ngày 24/10/2008 và Võ Đức Thanh Th - sinh ngày 08/1/2013 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 4000.000 đồng (mỗi con 2.000.000/01 tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông N và bà B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Nợ chung: ông N và bà B không có.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ôngc N và bà Bmỗi người chịu 1/2 là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0009818 ngày 13/2/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND P An Hải Đông, Sơn Trà TPĐN.
(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2002,quyển số 08 đăng ký ngày 17/01/2008).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Đã ký

Lương Thị Anh